

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
(ĐẠI HỌC CHÍNH QUY)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
- Mã trường: FBU
- Địa chỉ các trụ sở:

STT	Loại cơ sở đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)
1	Cơ sở chính	CS1	Hà Nội	111037.6	26735
2	Cơ sở đào tạo	CS2	Hà Nội	700	6200

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: www.fbu.edu.vn

- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh của Trường:

<https://tuyensinh.fbu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/tuyen-sinh-dai-hoc/>

- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02437931340 - 02437931341

- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

<https://fbu.edu.vn/bao-dam-chat-luong/>

II. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật

1.2. Điều kiện tuyển sinh:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

d) Đáp ứng quy định cụ thể về đối tượng và điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

1.3. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội tuyển sinh theo các phương thức dưới đây. Các phương thức được quy đổi chung về thang điểm 30.

STT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Mã PTXT
1	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	100
2	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét học bạ)	200
3	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội năm 2025	402

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

Căn cứ yêu cầu đảm bảo chất lượng, Trường xác định và công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT).

Việc quy đổi giữa các tổ hợp sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT được thực hiện dựa trên đối sánh phổ điểm do Bộ GDĐT công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Quy đổi điểm trúng tuyển từ kết quả học tập THPT (điểm học bạ) được xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào dựa trên tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

3.1. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 – Mã phương thức xét tuyển 100.

3.1.1. Quy định chung:

- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 áp dụng cho các thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 được công nhận tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo từng tổ hợp bài thi/môn thi.

- Thí sinh đăng ký, thực hiện theo hướng dẫn của trường THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Nhà trường

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng anh/Tiếng Trung có thể sử dụng để quy đổi điểm thay thế điểm môn Tiếng anh/Tiếng Trung trong tổ hợp xét tuyển được tính theo bảng quy đổi sau đây:

Bảng quy điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang thang điểm 10¹

STT	Tiếng Anh				Tiếng Trung Quốc	
	IELTS	TOEFL.iBT ²	TOEIC	Thang điểm 10	HSK	Thang điểm 10
1	4.0		310-335	8,0	HSK3	7,0
2	4.5	32-34	340-360	8,5	HSK4	8,0
3	5.0	35-45	365-440	9,0	HSK5	9,0
4	5.5	46-59	450-560	9,5	HSK6	10,0
5	6.0 ≤	60-78 ≤	570-680 ≤	10		

Lưu ý: ¹ Sẽ điều chỉnh khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² Không sử dụng TOEFL iBT Home Edition

3.1.2. Điểm xét tuyển:

- **Điểm xét tuyển** = $[(\text{Điểm môn 1} \times 2) + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}] / 4 \times 3 + \text{ĐUT}$

Trong đó: Điểm môn 1 (điểm môn chính – theo bảng chỉ tiêu tuyển sinh), điểm môn 2, điểm môn 3 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của các môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển.

- **ĐUT**: điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- **Điểm ưu tiên** = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được đã bao gồm điểm thưởng}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng}$.

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng 0.

3.2. Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét học bạ) – Mã phương thức xét tuyển 200

3.2.1. Quy định chung

- Thí sinh đã tốt nghiệp cấp THPT theo mục II.1.1.1

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh/Tiếng Trung có thể sử dụng để quy đổi điểm thay thế điểm môn Tiếng Anh/Tiếng Trung trong tổ hợp xét tuyển được tính theo bảng quy đổi sau đây:

Bảng quy điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang thang điểm 10¹

STT	Tiếng Anh				Tiếng Trung Quốc	
	IELTS	TOEFL.iBT ²	TOEIC	Thang điểm 10	HSK	Thang điểm 10
1	4.0		310-335	8,0	HSK3	7,0
2	4.5	32-34	340-360	8,5	HSK4	8,0
3	5.0	35-45	365-440	9,0	HSK5	9,0
4	5.5	46-59	450-560	9,5	HSK6	10,0
5	6.0 ≤	60-78 ≤	570-680 ≤	10		

Lưu ý: ¹ Sẽ điều chỉnh khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² Không sử dụng TOEFL iBT Home Edition

3.2.2. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển = $[(\text{Điểm môn 1} \times 2) + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}]/4 \times 3 + \text{ĐU'T}$

Trong đó:

Điểm môn 1 = Tổng điểm trung bình 6 học kỳ môn chính – theo bảng chỉ tiêu tuyển sinh

Điểm môn 2 = Tổng điểm trung bình 6 học kỳ môn 2 theo tổ hợp môn xét tuyển

Điểm môn 3 = Tổng điểm trung bình 6 học kỳ môn 3 theo tổ hợp môn xét tuyển.

ĐU'T: điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- **Điểm ưu tiên** = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được đã bao gồm điểm thưởng})/7,5] \times$
Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng

- Lưu ý: điểm trung bình của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển của 03 năm học được làm tròn đến hai chữ số thập phân (sau dấu phẩy hai số).

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng 0

3.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực – Mã phương thức xét tuyển 402

3.3.1. Quy định Chung

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (HSA) của ĐHQG Hà Nội tổ chức trong năm 2025 cho tuyển sinh đại học năm 2025 để đăng ký trên hệ thống tuyển sinh của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

- Điểm bài thi đánh giá năng lực được quy đổi về thang điểm 30.

3.3.2. Điểm xét tuyển

- **Điểm xét tuyển** = ĐQĐNL + ĐU'T

Trong đó: ĐU'T: điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- **Điểm ưu tiên** = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được đã bao gồm điểm thưởng})/7,5] \times$
Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng

- **ĐQĐNL:** Điểm quy đổi từ tổng điểm của bài thi đánh giá năng lực học sinh THPT năm 2025 do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức sang thang điểm 30, Nhà trường công bố quy tắc quy đổi sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 làm tròn đến hai chữ số thập phân.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Tổ hợp xét tuyển 5		Tổ hợp xét tuyển 6	
					Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I Các ngành đào tạo bằng Tiếng Việt																
1	7340201	Tài chính – Ngân hàng	100	800	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
2	7340301	Kế toán	100	280	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
3	7340302	Kiểm toán	100	100	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
4	7340101	Quản trị kinh doanh	100	300	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
5	7340121	Kinh doanh thương mại	100	180	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
6	7380107	Luật kinh tế	100	200	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
7	7480201	Công nghệ thông tin	100	300	A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			200		A00	TO	A01	TO	D01	TO	C04	TO	X01	TO	X02	TO
			402		Q00											
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	100	A01	TO	D01	TO	D10	TO	X25	TO				
9	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	280	D01	VA	C00	VA	C04	VA	D04	VA				
			200		D01	VA	C00	VA	C04	VA	D04	VA				
			402		Q00											
II Các chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh																
10	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	60	A01	TO	D01	TO	D07	TO	D09	TO	D10	TO	X25	TO
			200		A01	TO	D01	TO	D07	TO	D09	TO	D10	TO	X25	TO
			402		Q00											

Ghi chú: TO: môn Toán; VA: môn Ngữ Văn

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

5.1. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Thí sinh được xét tuyển bình đẳng vào một ngành/ chuyên ngành theo kết quả

thi/kết quả học tập cấp THPT; không phân biệt tổ hợp môn, phương thức xét tuyển.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Tổng điểm xét tuyển của thí sinh (bao gồm cả điểm ưu tiên) không vượt quá 30 điểm theo quy định.

- Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy gồm: đại học chính quy và liên thông chính quy (cao đẳng – đại học; đại học – văn bằng 2) được linh hoạt điều chuyển, đảm bảo tổng chỉ tiêu không vượt tổng chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

5.2. Danh mục mã tổ hợp và tổ hợp xét tuyển

STT	Mã tổ hợp	Mã tổ hợp
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4	C04	Toán, Ngữ văn, Địa lí
5	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
6	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
7	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
8	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
9	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
10	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
11	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
12	X25	Toán, Tiếng Anh; Giáo dục Kinh tế và pháp luật
13	Q00	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội

(Tổ hợp Q00: Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội bao gồm các tổ hợp môn thi ĐGNL do ĐHQG Hà Nội quy định như sau: Q01, Q02, Q03, Q05, Q07, Q08, Q09, Q10, Q21)

6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển

6.1. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 – Mã phương thức xét tuyển 100

6.1.1. Điều kiện xét tuyển:

- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh tốt nghiệp THPT và điểm xét tuyển từ 16,0 điểm trở lên (riêng ngành Luật kinh tế đảm bảo ngưỡng đầu vào: tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm).

- Ngành Luật kinh tế: Điểm thi môn tiếng Toán từ 6,0 điểm trở lên đối với các tổ hợp A00, A01 hoặc (điểm Toán + điểm Ngữ văn) từ 12,0 điểm trở lên đối với các tổ hợp

D01, C04, X01, X02.

6.1.2. Kế hoạch đăng ký xét tuyển

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên cả 2 hệ thống đăng ký của Trường và hệ thống chung của Bộ GDĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký như sau:

Bước 1: Đăng ký trên hệ thống của Trường

+ Đăng ký trực tuyến qua Cổng đăng ký xét tuyển: <https://xettuyen.fbu.edu.vn/>

+ Thời gian: từ ngày 15/07/2025 đến 24h00 ngày 27/07/2025

Bước 2: Đăng ký trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT

+ Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT

+ Thời gian: Theo kế hoạch của Bộ GDĐT (từ ngày 16/07 đến 17h00 ngày 28/07/2025).

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để quy đổi thay thế điểm môn Tiếng Anh/Tiếng Trung trong tổ hợp xét tuyển cần đăng ký trực tiếp của Cổng đăng ký xét tuyển: <https://xettuyen.fbu.edu.vn/> từ ngày 15/07 đến ngày 27/07/2025 và cung cấp chứng chỉ ngoại ngữ trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT từ ngày 16/07 đến hết 17h00 ngày 28/07/2025. Nếu thí sinh có thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh/Tiếng Trung, Nhà trường sẽ lựa chọn điểm Tiếng Anh/Tiếng Trung quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh/Tiếng Trung của thí sinh tương ứng với mức điểm cao nhất để xét tuyển.

6.1.3. Kế hoạch xét tuyển và công bố kết quả

Theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT

6.2. Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét học bạ) – Mã phương thức xét tuyển 200

6.2.1. Điều kiện xét tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp THPT có tổng điểm trung bình của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 (6 học kỳ) từ 18,0 điểm trở lên (riêng ngành Luật kinh tế đảm bảo ngưỡng đầu vào: tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm).

- Ngành Luật kinh tế: Điểm thi môn tiếng Toán từ 6,0 điểm trở lên đối với các tổ hợp A00, A01 hoặc (điểm Toán + điểm Ngữ văn) từ 12,0 điểm trở lên đối với các tổ hợp D01, C04 X01, X02.

6.2.2. Kế hoạch đăng ký xét tuyển

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên cả 2 hệ thống đăng ký của Trường và hệ thống chung của Bộ GDĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký như sau:

Bước 1: Đăng ký trên hệ thống của Trường

+ Đăng ký trực tuyến qua Cổng đăng ký xét tuyển: <https://xettuyen.fbu.edu.vn/>

+ Thời gian: từ ngày 24/05 đến 24h00 ngày 27/07/2025

Bước 2: Đăng ký trên hệ thống của Bộ GDĐT

+ Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT

+ Thời gian: Theo kế hoạch của Bộ GDĐT (từ ngày 16/07 đến 17h00 ngày 28/07/2025)

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để quy đổi thay thế điểm môn Tiếng Anh/Tiếng Trung trong tổ hợp xét tuyển cần đăng ký trực tiếp của Cổng đăng ký xét tuyển: <https://xettuyen.fbu.edu.vn/> từ ngày 27/05 đến ngày 30/06/2025 và cung cấp chứng chỉ ngoại ngữ trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT từ ngày 16/07 đến hết 17h00 ngày 28/07/2025. Nếu thí sinh có thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh/Tiếng Trung, Nhà trường sẽ lựa chọn điểm Tiếng Anh/Tiếng Trung quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh/Tiếng Trung của thí sinh tương ứng với mức điểm cao nhất để xét tuyển.

6.2.3. Kế hoạch xét tuyển và công bố kết quả

Theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT

6.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực – Mã phương thức xét tuyển 402

6.3.1. Điều kiện xét tuyển:

Xét tuyển từ kết quả thi đánh giá năng lực (HSA) do ĐHQG Hà Nội tổ chức cho tuyển sinh đại học năm 2025 (không tính điểm ưu tiên, điểm cộng, không nhân hệ số môn chính) và điểm xét tuyển từ 57/150 điểm trở lên (riêng ngành Luật kinh tế đảm bảo ngưỡng đầu vào tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm).

6.3.2. Kế hoạch đăng ký xét tuyển

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên cả 2 hệ thống đăng ký của Trường và hệ thống chung của Bộ GDĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký như sau:

Bước 1: Đăng ký trên hệ thống của Trường

+ Đăng ký trực tuyến qua Cổng đăng ký xét tuyển: <https://xettuyen.fbu.edu.vn/>

+ Thời gian: từ ngày 24/05 đến 24h00 ngày 27/07/2025

Bước 2: Đăng ký trên hệ thống của Bộ GDĐT

+ Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT

+ Thời gian: Theo kế hoạch của Bộ GDĐT (từ ngày 16/07 đến 17h00 ngày 28/07/2025)

6.3.3. Kế hoạch xét tuyển và công bố kết quả

- Theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT

7. Chính sách ưu tiên:

Áp dụng chính sách ưu tiên chung theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của Bộ GDĐT và của Trường.

8. Lệ phí xét tuyển

8.1. Đăng ký trên Hệ thống của Bộ GDĐT

- Thí sinh nộp lệ phí theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT

8.2. Đăng ký trên Hệ thống của Trường

- Lệ phí: 200.000đ/ 1 hồ sơ. Thí sinh nộp qua hình thức chuyển khoản theo hướng dẫn trên màn hình đăng ký xét tuyển tại Cổng đăng ký xét tuyển: <https://xettuyen.fbu.edu.vn/>

- Sau khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Cổng đăng ký của Trường, Nhà trường sẽ kiểm tra thủ tục đăng ký xét tuyển của thí sinh, thí sinh sẽ nhận được email thông báo đã đăng ký thành công, trong email sẽ cung cấp mã số hồ sơ và mật khẩu để thí sinh đăng nhập Cổng đăng ký xét tuyển để kiểm tra và điều chỉnh thông tin (nếu có).

9. Cam kết trách nhiệm của Trường về xử lý rủi ro

Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội cam kết sẽ tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của thí sinh kịp thời; bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những hợp rủi ro. Trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến và chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật của Nhà nước, Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Thông tin về học phí

- Học phí đại học chính quy chương trình chuẩn: khoảng từ 26 – 34 triệu đồng/sinh viên/năm học
- Học phí đại học chính quy chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh (áp dụng cho ngành Kinh doanh quốc tế đào tạo bằng Tiếng Anh): khoảng từ 40 – 47 triệu đồng/sinh viên/năm học.

Lộ trình tăng học phí: Nhà trường cam kết không tăng đơn giá học phí tín chỉ trong toàn khóa học.

10.2. Thông tin về học bổng

- Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội có học bổng khen thưởng đối với sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; đạt giải trong các cuộc thi học

thuật, thể thao, nghiên cứu khoa học, đạt thành tích trong hoạt động Đoàn thanh niên – CLB sinh viên trường...

- Học bổng được trích từ Quỹ học bổng là nguồn tài trợ của các đơn vị trong nhà trường, các cơ quan doanh nghiệp quan tâm đến sự nghiệp đào tạo và các bậc phụ huynh ủng hộ

10.3. Thông tin của Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh (Ngành Kinh doanh quốc tế)

- Trường tiếp tục xét tuyển các thí sinh đã trúng tuyển nhập học ở các ngành khác vào Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh theo quy định nếu còn chỉ tiêu./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (đề b/cáo);
- Thành viên HĐTS;
- Các đơn vị liên quan trong trường;
- Website;
- Lưu VT, QLĐT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. PHẠM NGỌC ÁNH